

The associations between learning burnout, school belonging and mental health in Vietnamese secondary schools.

Abstract: The goal of the current study is to investigate the associations between learning burnout, school belongingness and mental health in Vietnamese secondary schools. The sample includes 244 Vietnamese secondary students (139 girls, 60.2%; $M_{\text{age}} = 12.71$, $SD = 0.81$). Results obtained from a hierarchical regression analysis shows that learning burnout and school belonging are both significantly and uniquely linked to student's mental health problems. Implications for interventions will be discussed in the current paper.

Keywords: Learning Burnout, School Belonging, Mental Health, Confirmatory Factor Analysis, Hierarchical Regression Analysis

Mối quan hệ giữa áp lực học tập, ý thức là thành viên của nhà trường và sức khoẻ tâm thần ở học sinh trong nhà trường trung học cơ sở Việt Nam.

Tóm tắt: Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá ảnh hưởng của áp lực học tập và ý thức là thành viên của nhà trường của học sinh với sự phát triển các vấn đề sức khoẻ tâm thần của họ. Khách thể điều tra gồm 244 học sinh, trong đó có 139 học sinh nữ (60.2%) đến từ nhà trường trung học cơ sở ($M_{tuổi} = 12.71$, $SD = 0.81$). Kết quả phân tích mô hình hồi quy thứ bậc chỉ ra rằng cả áp lực học tập và ý thức là thành viên của nhà trường là hai chỉ báo ý nghĩa của các vấn đề về sức khoẻ tâm thần của học sinh. Các hàm ý về can thiệp sẽ được bàn luận trong báo cáo này.

Từ khoá: Áp lực học tập, Ý thức là thành viên nhà trường, Sức khoẻ tâm thần, Phân tích nhân tố, Phân tích hồi quy thứ bậc

Phân giới thiệu

Sức khỏe tâm thần của học sinh trong nhà trường phổ thông đang thu hút sự quan tâm ở Việt Nam (Nguyễn và cộng sự, 2013a). *Vấn đề sức khỏe tâm thần* với tư cách là những rối loạn tâm lý, ví dụ như trầm cảm, lo âu sẽ được xem xét trong nghiên cứu này. Các nghiên cứu trước đây đã chỉ ra một số vấn đề về sức khỏe tâm thần ở học sinh Việt Nam như sự phổ biến của trầm cảm, lo âu ở học sinh Việt Nam (Nguyễn và cộng sự, 2013a, 2013b). Ảnh hưởng của những vấn đề về sức khỏe tâm thần đó tới học sinh đó đã được chỉ ra trong các nghiên cứu trước đây như ảnh hưởng xấu đến kết quả học tập (Suldo, 2014), sức khỏe thể chất (Kang và cộng sự, 2017), ý định tự tử (Beck và cộng sự 1993) thậm chí tăng nguy cơ thất nghiệp, nghèo đói về mặt dài hạn (Oltmanns, Melley và Turkheimer, 2002; Smith, 2009)

Theo đánh giá của UNESCO thì sức khỏe tâm thần được coi là thành phần vô cùng quan trọng của trường học hạnh phúc (Kim, 2016), vốn được coi là một vấn đề đang thu hút sự quan tâm của cộng đồng trường học nói riêng, và xã hội Việt Nam nói chung. Do đó, có thể thấy, để xây dựng trường học hạnh phúc thì việc đảm bảo sức khỏe tâm thần của học sinh là cực kỳ cần thiết. Muốn vậy, việc tìm hiểu cơ chế, hay các yếu tố nguy cơ đóng vai trò quan trọng góp phần nâng cao hiểu biết về sự phát triển của các vấn đề sức khỏe tâm thần qua đó đưa ra những gợi ý hữu ích về mặt giải pháp giáo dục cho vấn đề này. Các nghiên cứu trước đây đã chỉ ra các yếu tố nguy cơ của các vấn đề sức khỏe tinh thần ở học sinh trong nhà trường phổ thông, ví dụ như xem xét ảnh hưởng tiêu cực của mối quan hệ bạn bè, chẳng hạn như sự bắt nạt (Lê và cộng sự, 2017; Trần, 2013). Các nghiên cứu đó đã gợi ý về vai trò quan trọng của các yếu tố thuộc bối cảnh nhà trường trong chỉ báo các vấn đề sức khỏe tinh thần của học sinh. Theo cách tiếp cận sinh thái (Bronfenbrenner, 1977), vấn đề sức khỏe tâm thần ở học sinh có thể là kết quả tác động một cách phức hợp của một loạt các yếu tố nguy cơ liên quan đến nhà trường nơi học sinh đó đang theo học. Điều này gợi ý rằng, đánh giá yếu tố nguy cơ cần theo quan điểm phức hợp trong đó đòi hỏi việc xem xét các yếu tố nguy cơ trong một mô hình nghiên cứu, qua đó cho phép nhà nghiên cứu trả lời câu hỏi rằng mỗi yếu tố riêng biệt giải thích sự phát triển của các vấn đề sức khỏe tinh thần của học sinh trong mối quan hệ với các yếu tố liên quan như thế nào. Nghiên cứu này sẽ tập trung vào hai yếu tố nguy cơ của các vấn đề về sức khỏe tinh thần mà chúng có liên quan đến bối cảnh nhà trường, bao gồm sự quá tải học tập (learning burnout) và ý thức là thành viên của nhà trường (school belonging) của học sinh trong nhà trường trung học cơ sở ở Việt Nam.

Sự quá tải học tập

Nhà trường được coi là cơ quan chuyên biệt của xã hội đóng vai trò xã hội hoá cá nhân trẻ em, trong đó thông qua quá trình chuyên giao tri thức. Tuy nhiên, việc truyền thụ tri thức này có thể đặt học sinh trước nguy cơ là bị quá tải trong học tập. Lý luận chỉ ra rằng, sự quá tải học tập dẫn đến việc kiệt sức, mệt mỏi mãn tính về thể chất, thờ ơ mất hứng thú với việc học tập, giảm sút năng lực, thành tích học tập (Schaufeli và cộng sự, 2002) và theo đó, sự quá tải học tập có thể dẫn đến các vấn đề về sức khoẻ tinh thần (Salmela-Aro và cộng sự, 2009).

Ý thức là thành viên của nhà trường

Bên cạnh sự quá tải học tập, ý thức là thành viên của nhà trường cũng được gợi ý là đóng vai trò quan trọng trong giải thích sự phát triển của các vấn đề sức khoẻ tâm thần ở học sinh (Pittman & Richmond, 2007). Ý thức là thành viên của nhà trường có thể được định nghĩa như là sự nhận thức của học sinh về sự kết nối của họ với nhà trường nơi mà họ đang theo học (Pittman & Richmond, 2007). Theo lý thuyết về vai trò của sự gắn bó liên cá nhân (Baumeister & Leary, 1995), những cá nhân ít có ý thức về sự kết nối với cộng đồng nơi mình sinh sống nói chung thì có xu hướng gia tăng các vấn đề về sự căng thẳng và phiền muộn. Một cách tương tự, học sinh có ý thức kết nối với nhà trường kém thì dễ gặp phải các vấn đề về sức khoẻ tinh thần như sự đơn độc hoặc các vấn đề hành vi nội tâm (internalizing problems) (Chipuer, 2001; Pittman & Richmond, 2007).

Nghiên cứu hiện tại

Mặc dù sự quá tải học tập và ý thức thuộc về nhà trường có vai trò như đã nói ở trên nhưng chúng chưa được quan tâm nghiên cứu đầy đủ trong mối quan hệ với các vấn đề sức khoẻ tâm thần ở Việt Nam. Do đó, việc nghiên cứu về mối quan hệ này có vai trò vô cùng quan trọng trong việc gia tăng những hiểu biết về ảnh hưởng của các yếu tố trên đối với sức khoẻ tâm thần ở học sinh Việt Nam để đưa ra các gợi ý trong trả lời các câu hỏi là liệu yếu tố quá tải học tập và ý thức thuộc về nhà trường có thể cần được chú ý trong xây dựng mô hình trường học hạnh phúc hay không. Do đó, chúng tôi thực hiện nghiên cứu này nhằm tìm hiểu ảnh hưởng của 1) Sự quá tải học tập và 2) Ý thức là thành viên của nhà trường đối với sự phát triển của các vấn đề sức khoẻ tâm thần của học sinh trong nhà trường trung học cơ sở.

Dựa trên các hiểu biết về mối quan hệ giữa các yếu tố sự quá tải học tập và ý thức là thành viên của nhà trường và các vấn đề sức khoẻ tâm thần như đã trình bày ở trên, chúng tôi sẽ kiểm định 3 giả thuyết khoa học sau:

1. Sự quá tải học tập dự đoán một cách ý nghĩa sự phát triển của vấn đề sức khoẻ tâm thần

2. Ý thức là thành viên của nhà trường dự đoán một cách ý nghĩa sự phát triển của vấn đề sức khoẻ tinh thần

3. Sự tương tác qua lại giữa sự quá tải học tập và ý thức thuộc về nhà trường dự đoán một cách ý nghĩa sự phát triển của vấn đề sức khoẻ tinh thần. Giả thuyết này được xây dựng dựa trên việc xem xét ý thức là thành viên của nhà trường là một bộ phận cấu thành của bầu không khí nhà trường (school climate) mà nó có quan hệ chặt chẽ với sự quá tải trong hoạt động học tập, giảng dạy đã được chỉ ra ở các nghiên cứu trước đây (Grayson & Alvarez, 2008; Walburg, 2014).

Bên cạnh đó chúng tôi cũng xem xét việc đưa các yếu tố giới tính, lứa tuổi vào mô hình nghiên cứu vì chúng có thể đóng vai trò quan trọng giải thích sự phát triển của biến phụ thuộc là vấn đề sức khoẻ tâm thần trong mô hình (Nguyễn và cộng sự, 2013a). Cuối cùng, nghiên cứu này cũng xem xét ảnh hưởng của biến số về sự lo âu liên quan đến corona virus (COVID_19). Căn bệnh này đang gây ra những hậu quả nghiêm trọng cho sự phát triển nói chung của nhân loại cũng như của Việt Nam, trong đó có thể có ảnh hưởng tiêu cực tới sự phát triển của các vấn đề về sức khoẻ tâm thần ở trẻ em. Vì sự lo âu về COVID_19 có thể là biến nhiễu, ví dụ như vấn đề sức khoẻ tâm thần có thể do ảnh hưởng của sự lo lắng bị nhiễm COVID_19 chứ không phải vì hai yếu tố nguy cơ trên nên chúng tôi đưa biến số sự lo âu về COVID_19 vào mô hình nghiên cứu. Việc xem xét này nhằm kiểm soát sự ảnh hưởng tiềm tàng của sự lo âu đó đối với biến phụ thuộc trong mô hình nghiên cứu.

Phương pháp nghiên cứu

Khách thể điều tra

Nghiên cứu này có 244 học sinh trung học cơ sở tham gia, ở độ tuổi từ 12 tới 15 tuổi ($M = 12.71$, $SD = 0.81$) trong đó có 139 em là nữ (60.2%). Phần lớn các em tự đánh giá là gia đình các em có điều kiện kinh tế ở mức độ bình thường (93.7%), số ít còn lại đánh giá có điều kiện kinh tế rất nghèo (5.1%) và giàu có (1.3%).

Công cụ đo lường

Thang đánh giá vấn đề sức khoẻ tâm thần phiên bản trẻ em *Short Mood and Feelings Questionnaire* (SMFQ; Aencold & Stephen, 1995). Đây là thang đánh giá sự trầm cảm ở trẻ em và vị thành niên, gồm 13 mục hỏi với các câu trả lời được thiết kế theo thứ bậc là 0 (không đúng), 1 (đúng một phần) và 2 (Hoàn toàn đúng). Một ví dụ về một mục hỏi là *Tôi cảm thấy đau khổ và bất hạnh*. Thang đo này đã được Việt hoá và đánh giá độ tin cậy và độ hiệu lực ở Việt Nam bởi Trần (2013). Trong nghiên cứu hiện tại, bảng hỏi này có hệ số tin cậy cao ($\alpha = .91$)

Thang đánh giá sự quá tải học tập Maslach Burnout Inventory (MBI, Schaufeli và cộng sự, 2002). Thang đo này được dùng để đánh giá sự quá tải học tập ở sinh viên đại học với các tiểu thang đo về Sự kiệt sức (5 mục hỏi, ví dụ như *Tôi cảm thấy kiệt quệ vì việc học hành*), Sự hoài nghi về việc học tập (4 mục hỏi, ví dụ như *Tôi đã trở nên ít nhiệt tình với việc học hành*), và Hiệu quả học tập (6 mục hỏi, ví dụ như *Tôi có thể giải quyết hiệu quả các vấn đề phát sinh trong học tập*). Các câu trả lời cho các mục hỏi của MBI được thiết kế theo thang thứ bậc từ 0 (*Không bao giờ*) tới 6 (*Rất thường xuyên*). Do trước đó chưa có phiên bản tiếng Việt cho MBI nên nhóm tác giả đã Việt hoá và thích nghi MBI cho lứa tuổi học sinh trong nhà trường phổ thông. Kết quả phân tích nhân tố khẳng định (CFA) cho thấy cấu trúc 3 nhân tố của bảng hỏi này được tái tạo ở mẫu nghiên cứu hiện tại (CFI = .925, RMSEA = .071, SRMR = .060; Brown, 2014; Byrne, 2013) với độ tin cậy Cronbach's Alpha tốt cho mỗi tiểu thang đo tương ứng gồm *Sự kiệt sức* = .89, *Sự hoài nghi* = .82, và *Hiệu quả học tập* = .86. Những kết quả trên gợi ý cho tính hiệu lực của việc sử dụng phiên bản tiếng Việt MBI cho nghiên cứu này.

Thang đánh giá ý thức là thành viên của nhà trường Psychological Sense of School Membership (PSSM, Goodenow, 1993), gồm 18 mục hỏi với các câu trả lời cho mỗi mục hỏi được sắp xếp theo thứ bậc từ 1 (*hoàn toàn không đúng*) tới 5 (*hoàn toàn đúng*). Một ví dụ về một mục hỏi là *Tôi cảm thấy mình như là một phần thực sự của trường tôi*. Do trước đó chưa có phiên bản tiếng Việt cho PSSM nên nhóm tác giả đã Việt hoá và sau đó dùng CFA để xem cấu trúc của bảng hỏi có được tái tạo ở mẫu nghiên cứu hiện tại hay không. Kết quả CFA cho thấy cấu trúc này được tái tạo ở mẫu hiện tại sau khi chúng tôi thiết lập hiệp phương sai giữa các mục hỏi đảo ngược (mục hỏi 3, 6, 9, 12, 16) với 2/3 tiêu chí đạt yêu cầu gồm CFI = .89, RMSEA = .075, SRMA = .055 (Brown, 2014; Byrne, 2013). Thang đo này đảm bảo độ tin cậy với $\alpha = .81$.

Thang đánh giá sự lo âu về corona virus Coronavirus Anxiety Scale (CAS, Lee, 2020), gồm 5 mục hỏi đánh giá các trải nghiệm lo âu (ví dụ *Em cảm thấy chóng mặt, choáng váng hoặc ngất xỉu khi đọc hoặc nghe thông tin về vi-rút CORONA (COVID-19)*) với mỗi mục hỏi được trả lời bởi các câu hỏi được thiết kế theo thang thứ bậc từ 1 (*Không có trải nghiệm nào*) tới 4 (*Trải nghiệm hàng ngày trong 2 tuần vừa qua*). Thang CAS được dịch ra tiếng Việt và đánh giá CFA. Kết quả phân tích gợi ý rằng thang đo này phù hợp cho nghiên cứu ở Việt Nam với CFI = .956, RMSEA = .075, SRMR = .037, $\alpha = .85$.

Quá trình nghiên cứu

Các bảng hỏi ngôn ngữ tiếng Anh trên được dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt theo quy trình dịch xuôi dịch ngược, nghiên cứu pilot và được đưa vào bảng hỏi online. Nghiên cứu được thực hiện ở học sinh trong nhà trường trung học cơ sở. Việc thu thập

dữ liệu ở học sinh được thực hiện dựa trên sự đồng ý của giáo viên và cha mẹ của học sinh cho học sinh và con cái mình tham gia vào điền bảng hỏi cũng như từ chính bản thân học sinh. Sau khi có sự đồng ý trên, học sinh sẽ được chia sẻ liên kết bảng hỏi và tự điền các câu trả lời cho các bảng hỏi.

Kế hoạch phân tích

Cấu trúc nội tại của các bảng hỏi MBI, PSSM và CAS được đánh giá bằng phân tích nhân tố khẳng định (CFA). Cấu trúc nhân tố của mỗi bảng hỏi được coi là phù hợp khi thoả các điều kiện $CFI \geq .90$, $RMSEA \leq .08$ (Byrne, 2013) and $SRMR \leq .10$ (Brown, 2014). Do giới hạn phạm vi của báo cáo này, chúng tôi chỉ trình bày kết quả của CFA như đã nêu ở phần Công cụ đo lường.

Phân tích hồi quy thứ bậc được sử dụng để đánh giá ảnh hưởng của các biến độc lập (sự quá tải học tập và ý thức thuộc về nhà trường) tới biến phụ thuộc. Chúng tôi xem xét ảnh hưởng của yếu tố lứa tuổi và giới tính ở bước 1, ảnh hưởng của biến độc lập tới biến phụ thuộc đó ở bước 2 và sự tương tác của các biến độc lập tới biến độc lập ở bước 3.

Các phân tích trên được thực hiện bằng phần mềm phân tích thống kê RStudio.

Kết quả

Kết quả phân tích thống kê mô tả

Bảng 1.

Kết quả Phân tích Thống kê mô tả của Các biến số của Nghiên cứu hiện tại

	N	Min	Max	Mean (SD)	Skewness (SE)	Kurtosis (SE)
SMFQ	244	0	2	0.50 (0.48)	0.99 (0.16)	0.17 (0.31)
PSSM	244	0	5	3.50 (0.76)	-0.37 (0.16)	-0.82 (0.31)
MBI_Ex	244	0	6	2.25 (1.58)	0.76 (0.16)	-0.17 (0.31)
MBI_Cy	244	0	6	1.29 (1.37)	1.39 (0.16)	1.80 (0.31)
MBI_Pr	244	0	6	3.30 (1.35)	-0.01 (0.16)	-0.54 (0.31)
CAS	244	0	4	0.34 (0.72)	2.67 (0.16)	8.15 (0.31)

Ghi chú. SMFQ: Thang đo trầm cảm (Short Mood and Feelings Questionnaire); PSSM: Thang đo ý thức là thành viên của nhà trường (Psychological Sense of School Membership); MBI_Ex: Tiểu thang đo Sự kiệt sức của thang đo Maslach Burnout Inventory; MBI_Cy: Tiểu thang đo Sự hoài nghi của thang đo Maslach Burnout Inventory; MBI_Pr: Tiểu thang đo Hiệu quả học tập của thang đo Maslach Burnout Inventory; CAS: Thang đo sự lo âu về COVID_19.

Bảng 1 thể hiện kết quả thống kê mô tả về các biến số của nghiên cứu hiện tại như độ trung bình và độ lệch chuẩn. Kết quả phân tích cho thấy các biến số trên đều không có phân bố chuẩn.

Kết quả phân tích hồi quy thứ bậc

Bảng 2.

Kết quả Phân tích Hồi quy thứ bậc cho Các biến số của Nghiên cứu hiện tại

	β	t	R^2	ΔR^2
<i>Bước 1</i>			.04	.04*
Tuổi	.10	1.56		
Giới tính	.16	2.54*		
CAS	.03	0.46		
<i>Bước 2</i>			.45	.40***
Tuổi	.05	0.95		
Giới tính	.12	2.41*		
CAS	.00	-0.04		
BMI_Ex	.34	4.76***		
BMI_Cy	.26	3.48**		
BMI_Pr	.00	0.03		
PSSM	-.16	-2.34*		

Ghi chú. SMFQ: Thang đo trầm cảm (Short Mood and Feelings Questionnaire); PSSM: Thang đo ý thức là thành viên của nhà trường (Psychological Sense of School Membership); BMI_Ex: Tiểu thang đo Sự kiệt sức của thang đo Maslach Burnout Inventory; BMI_Cy: Tiểu thang đo Sự hoài nghi của thang đo Maslach Burnout Inventory; BMI_Pr: Tiểu thang đo Hiệu quả học tập của thang đo Maslach Burnout Inventory; CAS: Thang đo sự lo âu về COVID_19.

* $p < .05$. ** $p < .01$. *** $p < .001$.

Kết quả phân tích hồi quy thứ bậc cho thấy mô hình phù hợp nhất cho dữ liệu nghiên cứu là mô hình trong đó không bao gồm sự tương tác giữa các biến độc lập. Cụ thể, dữ liệu nghiên cứu không ủng hộ cho mô hình trong đó có sự tương tác giữa các biến số độc lập ($\Delta R^2 = .03$, $p = .33$; sự xuất hiện các hệ số phóng đại phương sai Variance Inflation Factor (VIF, trong đó VIF nhỏ nhất là 9.48 và VIF cao nhất là 87.04) cho các

biến độc lập (Field, 2009)). Do đó, chúng tôi sử dụng mô hình trong đó không có mối quan hệ tương tác giữa các biến độc lập như trình bày ở Bảng 2.

Kết quả phân tích hồi quy thứ bậc ở Bảng 2 cho thấy các biến số Sự quá tải học tập và Ý thức là thành viên của nhà trường giải thích 45% sự biến thiên của các vấn đề sức khỏe tâm thần ở mẫu nghiên cứu ($F(4, 223) = 40.64, p < .001$) sau khi đã kiểm soát các biến nhiễu là tuổi, giới tính và sự lo âu về vi-rút corona. Sự quá tải học tập gồm các tiểu thang đo Sự kiệt sức và Sự hoài nghi có chỉ báo ý nghĩa sự phát triển của các vấn đề sức khỏe tâm thần, trái ngược với tiểu thang đo Hiệu quả học tập, không chỉ báo ý nghĩa sự phát triển này. Trong khi đó, thang đo Ý thức là thành viên nhà trường lại tỉ lệ nghịch ý nghĩa với sự phát triển của sức khỏe tâm thần ($\beta = -.16, p < .05$).

Bàn luận

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm mục tiêu đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố Sự quá tải học tập và Ý thức là thành viên của nhà trường đối với sự phát triển của vấn đề sức khỏe tâm thần của học sinh trong nhà trường trung học cơ sở. Chúng tôi thực hiện kiểm định 3 giả thuyết nghiên cứu như đã trình bày ở phần giới thiệu. Kết quả là chỉ có Giả thuyết số 1 và Giả thuyết thứ 2 được ủng hộ bởi dữ liệu nghiên cứu của đề tài, trong khi đó Giả thuyết thứ 3 thì không.

Kết quả nghiên cứu gợi ý rằng áp lực học tập là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến vấn đề sức khỏe tâm thần của học sinh trong nhà trường trung học cơ sở. Kết quả này nhất quán với các kết quả nghiên cứu trước đây về vấn đề này (ví dụ, Salmela-Aro, Savolainen, & Holopainen, 2009). Bên cạnh áp lực học tập thì ý thức là thành viên nhà trường của học sinh cũng đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của hành vi gây hấn. Cụ thể học sinh càng có ý thức gắn kết với nhà trường, coi mình là thành viên tích cực của nhà trường thì ít có nguy cơ bị các vấn đề về sức khỏe tâm thần. Kết quả nghiên cứu này cũng nhất quán với kết quả của các nghiên cứu trước đây trong đó các nhà nghiên cứu tìm thấy mối quan hệ tỉ lệ nghịch giữa các vấn đề sức khỏe tâm thần và ý thức là thành viên nhà trường (ví dụ, Pittman & Richmon, 2007). Tuy nhiên, trái với dự đoán, sự tương tác giữa áp lực học tập và ý thức là thành viên của nhà trường lại không giải thích một cách ý nghĩa đối với sự phát triển của các vấn đề sức khỏe tâm thần. Kết quả này có thể sẽ cần được xem xét ở các nghiên cứu sau này, để có thể góp phần đưa ra kết luận xem nó có điển hình cho học sinh ở nhà trường Việt Nam hay không.

Các kết quả nghiên cứu trên có ý nghĩa thực tiễn quan trọng xét ở khía cạnh đưa ra những hiểu biết về ảnh hưởng của áp lực học tập cũng như vai trò của ý thức là thành viên của nhà trường trong sự phát triển hoặc ngăn ngừa các vấn đề sức khỏe tâm thần của học sinh. Bên cạnh đó, việc thực hiện các biện pháp trong đó chú trọng hình thành mối

quan hệ gắn bó tình cảm giữa học sinh và nhà trường là rất cần thiết để hình thành và phát triển ý thức là thành viên thực sự của nhà trường ở học sinh. Bởi lẽ sự gắn bó tình cảm đó sẽ giúp học sinh cảm thấy tin cậy vào giáo viên, vào nhà trường từ đó các em dễ hình thành sự tin tưởng vào sự hỗ trợ của nhà trường nói chung, thầy cô giáo nói riêng khi cần sự hỗ trợ trong tình huống khó khăn, ví dụ như lo âu, trầm cảm. Những điều này có những ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng và phát triển trường học hạnh phúc trong đó các giáo viên có thể tìm kiếm cách thức để giảm tải áp lực học tập cho học sinh và tăng cường mối quan hệ thân thiện giữa họ và học sinh.

Hạn chế của đề tài nghiên cứu

Mặc dù đề tài nghiên cứu góp phần đưa ra hiểu biết mới về các yếu tố nguy cơ của vấn đề sức khỏe tâm thần ở học sinh trong nhà trường trung học cơ sở nhưng bản thân nó cũng có những hạn chế nhất định. Thứ nhất là đề tài giới hạn trong thiết kế nghiên cứu bổ ngang (cross-sectional study) nên nó chưa cung cấp được sự hiểu biết sâu sắc hơn về mối quan hệ nhân quả giữa yếu tố nguy cơ và đầu ra so với nghiên cứu dài hạn (longitudinal study). Thứ hai, dữ liệu nghiên cứu của đề tài chỉ giới hạn trong khuôn khổ của bảng hỏi tự báo cáo. Điều này có thể dẫn tới một số sai lệch tiềm tàng (bias, ví dụ như học sinh đánh giá sai về bản thân) trong dữ liệu. Nghiên cứu về sau có thể kết hợp bảng hỏi tự điền với phỏng vấn, quan sát trường hợp và báo cáo từ bạn bè, thầy cô của học sinh trong nhà trường để có thể kiểm soát được sự sai lệch tiềm tàng này.

Kết luận

Kết quả của nghiên cứu này bước đầu cho chúng tôi khẳng định rằng áp lực học tập và ý thức là thành viên của nhà trường là hai yếu tố giải thích ý nghĩa cho sự phát triển các vấn đề sức khỏe tâm thần của học sinh trong nhà trường trung học cơ sở. Một giá trị nữa của nghiên cứu này là giúp chúng tôi có thêm công cụ nghiên cứu có giá trị trong đánh giá các cấu trúc đang quan tâm, cụ thể như thang đo Ý thức là thành viên nhà trường, thang đo Sự quá tải học tập, thang đo Sự lo âu về vi-rút corona.

Tài liệu tham khảo

- Ancold, A. D. R. I. A. N., & Stephen, C. (1995). Development of a short questionnaire for use in epidemiological studies of depression in children and adolescents. *Age (years)*, 6(11).
- Baumeister, R. F., & Leary, M. R. (1995). The need to belong: desire for interpersonal attachments as a fundamental human motivation. *Psychological bulletin*, 117(3), 497.
- Beck, A. T., Steer, R. A., Beck, J. S., & Newman, C. F. (1993). Hopelessness, depression, suicidal ideation, and clinical diagnosis of depression. *Suicide and Life-Threatening Behavior*, 23(2), 139-145.
- Bronfenbrenner, U. (1977). Toward an experimental ecology of human development. *American psychologist*, 32(7), 513.
- Brown, T. A. (2014). *Confirmatory factor analysis for applied research*. New York: Guilford Publications.
- Byrne, B. M. (2013). *Structural equation modeling with Mplus: Basic concepts, applications, and programming*. New York: Routledge.
- Chipuer, H. M. (2001). Dyadic attachments and community connectedness: Links with youths' loneliness experiences. *Journal of Community Psychology*, 29(4), 429-446.
- Field, A. (2009). *Discovering statistics using SPSS*. London: Sage publications.
- Goodenow, C. (1993). The psychological sense of school membership among adolescents: Scale development and educational correlates. *Psychology in the Schools*, 30(1), 79-90.
- Grayson, J. L., & Alvarez, H. K. (2008). School climate factors relating to teacher burnout: A mediator model. *Teaching and teacher education*, 24(5), 1349-1363.
- Kang, H. J., Bae, K. Y., Kim, S. W., Shin, H. Y., Shin, I. S., Yoon, J. S., & Kim, J. M. (2017). Impact of anxiety and depression on physical health condition and disability in an elderly Korean population. *Psychiatry Investigation*, 14(3), 240.
- Kim, G. (2016). Happy Schools! A framework for learner well-being in the Asia-Pacific. Truy cập từ <https://bangkok.unesco.org/content/happy-schools-framework-learner-well-being-asia-pacific>
- Le, H. T. H., Nguyen, H. T., Campbell, M. A., Gatton, M. L., Tran, N. T., & Dunne, M. P. (2017). Longitudinal associations between bullying and mental health among adolescents in Vietnam. *International journal of public health*, 62(1), 51-61.
- Lee, S. A. (2020). Coronavirus Anxiety Scale: A brief mental health screener for COVID-19 related anxiety. *Death Studies*. <https://doi.org/10.1080/07481187.2020.1748481>

- Nguyen, D. T., Dedding, C., Pham, T. T., & Bunders, J. (2013b). Perspectives of pupils, parents, and teachers on mental health problems among Vietnamese secondary school pupils. *BMC Public Health, 13*(1), 1-10.
- Nguyen, D. T., Dedding, C., Pham, T. T., Wright, P., & Bunders, J. (2013a). Depression, anxiety, and suicidal ideation among Vietnamese secondary school students and proposed solutions: a cross-sectional study. *BMC public health, 13*(1), 1195.
- Oltmanns, T. F., Melley, A. H., & Turkheimer, E. (2002). Impaired social function and symptoms of personality disorders assessed by peer and self-report in a nonclinical population. *Journal of Personality Disorders, 16*(5), 437-452.
- Pittman, L. D., & Richmond, A. (2007). Academic and psychological functioning in late adolescence: The importance of school belonging. *The Journal of Experimental Education, 75*(4), 270-290.
- Salmela-Aro, K., Kiuru, N., Leskinen, E., & Nurmi, J. E. (2009). School burnout inventory (SBI) reliability and validity. *European journal of psychological assessment, 25*(1), 48-57.
- Salmela-Aro, K., Savolainen, H., & Holopainen, L. (2009). Depressive symptoms and school burnout during adolescence: Evidence from two cross-lagged longitudinal studies. *Journal of youth and adolescence, 38*(10), 1316-1327.
- Schaufeli, W. B., Martinez, I. M., Pinto, A. M., Salanova, M., & Bakker, A. B. (2002). Burnout and engagement in university students: A cross-national study. *Journal of cross-cultural psychology, 33*(5), 464-481.
- Smith, J. P. (2009). The impact of childhood health on adult labor market outcomes. *The review of economics and statistics, 91*(3), 478-489.
- Suldo, S. M., Gormley, M. J., DuPaul, G. J., & Anderson-Butcher, D. (2014). The impact of school mental health on student and school-level academic outcomes: Current status of the research and future directions. *School Mental Health, 6*(2), 84-98.
- Tran, C. V. (2013). Relations between peer victimization, self-cognitions and depression in the United States and Vietnam. *Unpublished doctoral dissertation). Vanderbilt University, Nashville, Tennessee.*
- Walburg, V. (2014). Burnout among high school students: A literature review. *Children and Youth Services Review, 42*, 28-33.